

Phước Sơn, ngày 22 tháng 6 năm 2020

Số: 14/2020/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân - gia đình thụ lý số: 10/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2020 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Th, sinh năm: 1980

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Th1, sinh năm: 1976

Cùng cư trú tại: Thôn 1, xã H, huyện P, tỉnh Q.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Trần Thị Th và anh Nguyễn Văn Th1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị Th và anh Nguyễn Văn Th1 đồng ý thuận tình ly hôn.

- Về con chung: vợ chồng có 04 con chung:

Cháu Nguyễn Đức Th2, sinh năm: 2001 đã trên 18 tuổi nên cháu Nguyễn Đức Th2 muốn sống với Chị Trần Thị Th hay anh Nguyễn Văn Th1 là quyền của cháu Th2.

Chị Trần Thị Th nhận trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con: cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày: 22/12/2004; cháu Nguyễn Đức T1, sinh ngày: 25/9/2012 và cháu Nguyễn Thị Thanh Nh, sinh ngày: 22/7/2016.

Anh Nguyễn Văn Th1 đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Thanh Nh, sinh ngày: 22/7/2016 mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu Nguyễn Thị Thanh Nh đủ 18 tuổi.

Không ai được cản trở quyền thăm nom con chung của anh Nguyễn Văn Th1.

- Về tài sản chung:

Chị Trần Thị Th và anh Nguyễn Văn Th1 tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Án phí Hôn nhân - gia đình sơ thẩm:

150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) đã giảm ½ án phí. Chị Trần Thị Th là đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Trần Thị Th được miễn nộp tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 75.000đ (Bảy mươi lăm ngàn đồng). Anh Nguyễn Văn Th1 đồng ý nộp tiền án phí Hôn nhân - gia đình sơ thẩm 75.000đ (Bảy mươi lăm ngàn đồng).

Án phí cấp dưỡng nuôi con 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) đã giảm ½ án phí, anh Nguyễn Văn Th1 đồng ý nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện Phước Sơn;
- UBND xã Phước Hiệp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phan Thị Lan